

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 100/2024/HS-PT

Ngày: 10/4/2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Các Thẩm phán: - Ông Sỹ Hồng Nam.

- Ông Hoàng Bích Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mộng Nhung - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 67/2024/HSPT ngày 23/02/2024 đối với các bị cáo Phạm Hữu Q và Trần Văn T, do có kháng cáo của bị cáo và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với bản án hình sự sơ thẩm số 09/2024/HS-ST ngày 15/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị:

1/ Họ và tên: Trần Văn T; sinh năm 1978; giới tính: Nam; nơi đăng ký HKTT: D, B, xã B, huyện T, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện nay: Tổ N, ấp V, xã T, huyện W, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Kinh doanh; con ông Trần Văn P và bà Lê Thị R; vợ: Phan Mỹ C; con: có 02 người con (lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2012); tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Ngày 04/02/2020, bị Công an xã R, B xử phạt 1.500.000 đồng, về hành vi: “Đánh bạc”; ngày 12/02/2020, đã thi hành nộp tiền phạt.

- Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/9/2023 đến nay (có mặt).

2/ Họ và tên: Phạm Hữu Q; sinh năm 1985; giới tính: Nam; nơi đăng ký HKTT: Tổ E, ấp Hậu, xã H, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện nay: Tổ Q, ấp Hậu, xã M, huyện R, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Chạy xe ôm; cha: Phạm Văn P, mẹ: Hồ Thị S; anh chị em ruột: Không; vợ: Trần Xuân T; có 01 người con sinh năm 2008; tiền án: Không; tiền sự: Không.

- Nhân thân: Ngày 17/9/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 (ba) năm tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” tại

bản án hình sự số 167/2003/HSST; ngày 21/7/2017, chấp hành xong án phạt tù và toàn bộ bản án.

- Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/9/2023 đến nay (có mặt).

Những người tham gia tố tụng:

+ Bị hại: Ông Phạm Ngọc V, sinh năm 1982; nơi đăng ký thường trú: Y, phường N, thành phố X, tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ liên lạc: Số F, Khu phố D, thị trấn S, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo và kháng nghị: Không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn T, Phạm Hữu Q và Ng (chưa xác định được lai lịch) là bạn bè quen biết với nhau ngoài xã hội. Khoảng 04h30' ngày 12/7/2022, Trần Văn T điều khiển xe Dream (không rõ biển số) chở người phụ nữ tên L (không rõ lai lịch) đi ngang quán ốc G (địa chỉ: B, ấp F, xã D, huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh) thì có nhóm người ngồi trong quán, gồm: Nguyễn T (chủ quán), Hồ Duy H, Phạm Ngọc V, Cao Minh K, C và P (chưa xác định được lai lịch) thì nghe có giọng nói ra "Ê...". Trần Văn T nghe vậy nên điều khiển xe quay đầu lại quán thì V nói nhảm người và xin lỗi, Tài điều khiển xe chạy đi thì nghe tiếng nói "Thằng này bố lão". Do bức tức, Trần Văn T chở L về phòng trọ rồi qua phòng trọ của Q (tại Khu phố G, thị trấn B, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh) rủ Phạm Hữu Q đi đánh nhau thì Phạm Hữu Q đồng ý. Lúc này, Phạm Hữu Q lấy 01 cây dao dể bằng kim loại trước phòng trọ, Tài lấy 01 cây sắt dài khoảng 40cm và 01 cây inox dài khoảng 40cm để trên бага xe máy và điều khiển xe chở Phạm Hữu Q ngồi sau. Khi chạy xe đi thì Huỳnh Thị Hồng Ng (bạn gái Tài) leo lên xe đi theo đến quán. Tại đây, Phạm Hữu Q cầm cây dao dể bằng 02 tay đuổi đánh Vũ nhưng không gây thương tích và được Nguyễn can ngăn; còn Trần Văn T cầm cây sắt trên tay trái và cầm cây inox trên tay phải đuổi đánh Nguyễn T nhưng không trúng. Lúc này, Vũ và Nguyễn T dùng ly, chai thủy tinh trong quán ném vào người Tài, Phạm Hữu Q. Tài và Phạm Hữu Q bỏ chạy đến giao lộ Đường số 42 và Đường số 37, thuộc ấp B, xã N, huyện Củ Chi thì Tài ném cây inox xuống đường và quay lại phòng trọ. Tại đây, Ng (chưa xác định được lai lịch) ở chung phòng trọ với Phạm Hữu Q thức dậy hỏi sao bị thương tích, Phạm Hữu Q nói mới bị đánh nên Ng rủ đi đánh lại, Tài và Phạm Hữu Q đồng ý.

Sau đó, Phạm Hữu Q đưa 01 cây dao dể cho Tài cầm trên tay phải và tay trái cầm 01 cây sắt, Ng cầm 02 cây chĩa. Phạm Hữu Q điều khiển xe máy Wave biển số 53Y5-2330 chở Tài ngồi giữa, Ng ngồi sau và cùng nhau quay lại quán; thấy Vũ điều khiển xe máy từ trong quán đi ra hướng Tỉnh lộ 8, Phạm Hữu Q điều khiển xe đuổi theo được 100 mét thì Vũ tạt ngã xe, Vũ đứng dậy chạy bộ ngược về hướng quán được khoảng 20 mét trước nhà số R, ấp N, xã B huyện Củ Chi thì tạt ngã xuống đường; Tài, Ng và Phạm Hữu Q đuổi kịp, Tài dùng

cây đào để cầm trên tay phải đánh vào người và cổ chân Vũ, Ng dùng 02 cây chĩa đánh vào người và chân Vũ, Phạm Hữu Q dùng chân đá vào người Vũ gây thương tích. Sau khi đánh Vũ xong, Phạm Hữu Q điều khiển xe chở Tài và Ng về phòng trọ. Trên đường về, Tài ném cây sắt gần với chỗ ném cây inox tại giao lộ Đường số E và Đường số W, thuộc ấp B xã S, huyện Củ Chi. Khi về đến phòng trọ, Tài để cây đào để phía trước phòng rồi đi về nhà, Ng đi về, còn Phạm Hữu Q vào phòng ngủ đến sáng thì thấy cây đào để và 01 cây chĩa trước phòng nên giữ lại và sau đó giao nộp cho Công an.

Đối với anh V bị thương tích được mọi người đưa đi cấp cứu và chữa trị tại Bệnh viện Đa khoa khu vực Củ Chi và Bệnh viện Đa khoa Xuyên Á. Trần Văn T điều trị tại Bệnh viện Đa khoa khu vực Củ Chi và Bệnh viện quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Qua làm việc, anh Phạm Ngọc V làm đơn tố cáo yêu cầu khởi tố về hình sự và xử lý đối với Văn Tài, Phạm Hữu Q và Ng

Ngày 22/6/2023, Trần Văn T làm đơn không yêu cầu khởi tố về việc bị nhóm của Vũ gây thương tích.

Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 865/TgT.22 ngày 25/10/2023 của Trung tâm pháp y Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh đối với Phạm Ngọc V, kết luận (bút lục: 137-140):

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Đa chấn thương phần mềm đã được điều trị, hiện: Không còn dấu vết thương tích vùng đầu, ngực, bụng, cẳng chân phải, tình trạng ổn định; không đủ cơ sở xác định hung khí; không còn bầm vùng quanh mắt phải, tình trạng ổn định; không còn sưng vùng mắt phải, vùng vai phải, tình trạng ổn định; Thông tư 22/2019/TT-BYT không quy định về sưng, bầm mô mềm. Nghi ngờ do vật tày tác động gây nên.

- Vết thương vùng cổ chân phải gây đứt da, gãy mắt cá ngoài (ảnh 1) đã được điều trị mở rộng vết thương, kết hợp xương bằng đinh, khâu vết thương, hiện còn: 01 (một) sẹo trùng sẹo mổ vùng mắt cá ngoài kích thước 9,5 x (0,1 x 0,2) cm; hình ảnh gãy xương có dụng cụ kết hợp xương trên phim Xquang; tình trạng ổn định; có tỉ lệ 06% (sáu phần trăm); vết thương do vật sắc, vật sắc nhọn tác động gây ra.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 06%; tất cả các chấn thương, vết thương trên không gây nguy hiểm đến tính mạng.

Về dân sự: bị hại Phạm Ngọc V yêu cầu bồi thường thiệt hại về sức khỏe tổng cộng là 162.000.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 09/2024/HS-ST ngày 15/01/2024 và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 07/2024/TB-TA ngày 02/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

- Căn cứ vào điểm a, i khoản 1 Điều 134; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm e khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): xử phạt bị cáo Trần Văn T 09 (chín) tháng tù, về tội: “Cố ý gây thương tích”; thời hạn tù tính từ ngày 04/9/2023.

- Căn cứ vào điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm e khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): xử phạt bị cáo Phạm Hữu Q 09 (chín) tháng tù, về tội: “Cố ý gây thương tích”; thời hạn tù tính từ ngày 04/9/2023.

- Căn cứ vào các Điều 468, Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 590 Bộ luật Dân sự năm 2015: Buộc bị cáo Phạm Hữu Q phải tiếp tục bồi thường thiệt hại cho ông Vũ số tiền là 18.294.067 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Giao lại cho ông Vũ số tiền là 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng mà ông Trần Thanh Hoài đã nộp để khắc phục hậu quả theo biên lai thu tiền số 0007627 ngày 19/12/2023 và biên lai thu tiền số 0007640 ngày 09/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên xử về nghĩa vụ chậm thi hành án về tài sản của bị cáo, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 16/02/2014, bị cáo Trần Văn T kháng cáo yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt. Ngày 15/02/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị phúc thẩm một phần bản án hình sự sơ thẩm với nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng sửa bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự và không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Phạm Hữu Phạm Hữu Q .

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Trần Văn T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bị cáo Trần Văn T và Phạm Hữu Q đã khai nhận hành vi phạm tội của mình cùng đồng phạm phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa thay đổi Quyết định kháng nghị phúc thẩm, rút một phần kháng nghị xem xét về hình phạt đối với bị cáo Phạm Hữu Phạm Hữu Q . Trong phần tranh luận, sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích về tính chất, mức độ tham gia phạm tội của bị cáo đồng phạm, các tình tiết định khung, tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và về trách nhiệm dân sự; ý kiến về nội dung kháng cáo, kháng nghị và quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án. Đã kết luận đủ căn cứ xác định bản án hình sự sơ thẩm xét xử các bị cáo Trần Văn T và Phạm Hữu Phạm Hữu Q , phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo các điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ pháp luật. Theo đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, điểm b khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Văn T .

- Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, sửa án sơ thẩm theo hướng tuyên buộc các bị cáo Trần Văn T và Phạm Hữu Q phải liên đới bồi thường cho bị hại số tiền 38.714.067 đồng. Trong đó, khoản tiền

bồi thường mất thu nhập của bị hại và bà Lê Thị Lệ Hà đề nghị chấp nhận theo mức là 01 tháng lương tối thiểu Vùng I quy định tại Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022 của Chính phủ (được khấu trừ số tiền 20.000.000 đồng gia đình bị cáo Tài đã nộp để bồi thường); không áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Phạm Hữu Phạm Hữu Q .

Các bị cáo Trần Văn T và Phạm Hữu Q không tranh luận, đồng ý liên đới bồi thường cho bị hại theo mức Viện kiểm sát đề nghị và mong muốn nhận được sự khoan hồng của pháp luật về hình phạt để sớm chấp hành xong bản án, làm lại cuộc đời để phụ giúp gia đình có hoàn cảnh khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Trần Văn T và Quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được làm trong thời hạn luật định và hợp lệ theo quy định tại các Điều 332, 333, 334 và 336 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; nên về hình thức được chấp nhận để xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thay đổi Quyết định kháng nghị, rút một phần yêu cầu kháng nghị về hình phạt đối với Phạm Hữu Q nhưng không làm xấu hơn tình trạng bị cáo, là phù hợp với quy định tại Điều 342 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Đối với bị hại vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hay trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 351 Bộ luật hình sự năm 2015.

[2]. Về tội danh và hình phạt:

[2.1]. Đối chiếu lời khai nhận của Trần Văn T và Phạm Hữu Q tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp lời khai nhận tội của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ: Đơn tố cáo, biên bản tiếp nhận nguồn tin tố giác về tội phạm, các biên bản (khám nghiệm hiện trường; tạm giữ đồ vật – tài liệu; niêm phong vật chứng), lời khai của (bị hại; người có quyền, nghĩa vụ liên quan); hung khí và phương thức bị cáo dùng gây án, phù hợp với thương tích gây ra cho bị hại (thể hiện tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích); cùng các tài liệu, biên bản về hoạt động tố tụng khác của Cơ quan điều tra đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Đã đủ cơ sở để kết luận: Vào ngày 12/7/2022, tại khu vực trước nhà số 271 Liêu Bình Hương, ấp Tân Thành, xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, các bị cáo Trần Văn T , Phạm Hữu Q và đồng phạm tên Ng (chưa rõ lai lịch) đã rủ rê, thống nhất ý trí cùng nhau chuẩn bị hung khí và chủ động đi tìm kiếm để đồng loạt tấn công bị hại Phạm Ngọc V , gây thương tích cho bị hại với vết thương vùng cổ chân phải và đa chấn thương phần mềm.

Hành vi phạm tội của các bị cáo Trần Văn T , Phạm Hữu Q và đồng phạm là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương. Chỉ vì những xích mích nhỏ trong cuộc sống, nhưng các bị cáo lại rủ rê nhau tập hợp lực lượng, chuẩn bị hung khí và hai lần chủ động đi tìm kiếm để vô cớ tấn công gây thương tích cho bị hại Phạm Ngọc V , với tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra là

06%. Nên đã phạm tội thuộc trường hợp: “*dùng hung khí nguy hiểm*”, “*có tính chất côn đồ*” và “*gây thương tích cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể dưới 11%*”; và bị hại Phạm Ngọc V có đơn yêu cầu khởi tố về hình sự để xử lý đối với Tài, Phạm Hữu Q và Ng (chưa rõ lai lịch).

Như vậy, với hậu quả gây ra trong vụ án và hành vi nêu trên của bị cáo, cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử các bị cáo Trần Văn T và Phạm Hữu Q, phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại các điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[2.2]. Khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã nhận định:

Về tính chất, mức độ tham gia phạm tội của bị cáo đồng phạm, trong đó: bị cáo Tài là người rủ rê và trực tiếp dùng hung khí là cây dao để bằng kim loại tấn công gây thương tích cho bị hại, còn bị cáo Phạm Hữu Q tham gia với vai trò giúp sức tích cực đánh bị hại bằng tay, chân; các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp: “*cố tình phạm tội đến cùng*”, là tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), là có căn cứ.

Về tình tiết giảm nhẹ: các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo Tài phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và đã tác động gia đình nộp tiền khắc phục hậu quả cho bị hại số tiền 20.000.000 đồng – theo quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xét về tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo:

Đối với bị cáo Trần Văn T với vai trò chính trong vụ án, lẽ ra phải bị xử phạt mức án nghiêm khắc nhất nhưng cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo 09 tháng tù (trong khung hình phạt bị áp dụng từ 06 tháng đến 03 năm tù) bằng với mức án của bị cáo Phạm Hữu Q, là đã thể hiện sự khoan hồng của pháp luật; tại cấp phúc thẩm, bị cáo Trần Văn T không có thêm tình tiết giảm nhẹ mới để được xem xét. Do đó, kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Văn T, là không có cơ sở để được chấp nhận.

Đối với bị cáo Phạm Hữu Q về nhân thân từng bị Tòa án xét xử về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, đã được đương nhiên xóa án tích nhưng lần phạm tội trong vụ án này của bị cáo không thuộc trường hợp “*phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*”, cấp sơ thẩm đã nhận định và áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo, là áp dụng pháp luật không đúng; nên cần sửa bản án sơ thẩm phần căn cứ khi quyết định hình phạt cho chính xác và giữ nguyên mức hình phạt 09 (chín) tháng tù đối với bị cáo Phạm Hữu Q.

[3]. Về dân sự: Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định buộc bị cáo liên đới bồi thường cho ông Phạm Ngọc V tổng cộng là 38.294.067 đồng (sau khi xét xử sơ

thâm, bị cáo và bị hại đều không kháng cáo về mức bồi thường). Trong đó, khoản tiền mất thu nhập của bị hại và bà Hà (vợ của ông Vũ) được tính trong thời gian 03 tháng (từ ngày 15/7/2022 đến ngày 15/10/2022) theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng, mỗi người được bồi thường 4.470.000 đồng, là chưa đúng với quy định pháp luật nên Viện kiểm sát có kháng nghị về phần này.

Tại phiên tòa, bị cáo Tài đồng ý dùng số tiền 20 triệu đồng gia đình bị cáo đã nộp để thanh toán cho bị hại và không yêu cầu bị cáo Phạm Hữu Q phải thanh toán lại; các bị cáo Trần Văn T và Phạm Hữu Q đồng ý liên đới bồi thường cho bị hại theo mức Viện kiểm sát đề nghị.

Xét tính chất, mức độ thiệt hại về sức khỏe của bị hại với tỷ lệ thương tật là 06%, xem xét khoảng thời gian cần thiết để điều trị, phục hồi sức khỏe và bị hại Phạm Ngọc V và vợ bị hại đều không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh thu nhập thực tế bị thiệt hại từ tiền lương, tiền công. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 7 Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ấn định khoản tiền mất thu nhập của bị hại được tính trong thời gian 01 tháng theo mức lương tối thiểu vùng là 4.680.000 đồng (địa bàn huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh là Vùng 1) theo quy định tại Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022 của Chính phủ. Theo đó, khoản tiền mất thu nhập của bị hại và bà Hà (vợ ông Vũ) là $4.680.000 \text{ đồng} \times 2 = 9.360.000 \text{ đồng}$.

Như vậy, các bị cáo Trần Văn T và Phạm Hữu Q có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bị hại Phạm Ngọc V, gồm các khoản: chi phí thuốc theo hóa đơn 15.854.067 đồng; chi phí thanh toán tiền ăn uống trong 05 ngày điều trị là 2.500.000 đồng; chi phí tiền xe đi lại khám bệnh là 2.000.000 đồng; chi phí ăn uống phục hồi sức khỏe là 9.000.000 đồng; chi phí mất thu nhập là 9.360.000 đồng; tổng cộng là 38.714.067 đồng (làm tròn là 38.714.000 đồng); mỗi bị cáo có trách nhiệm bồi thường là 19.357.000 đồng. Thi hành một lần tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Số tiền 20.000.000 đồng gia đình bị cáo Tài đã nộp để khắc phục hậu quả (theo các biên lai thu tiền số: 0007627 ngày 19/12/2023 và 0007640 ngày 09/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi) được dùng để thanh toán cho ông Phạm Ngọc V. Các bị cáo tiếp tục có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông Phạm Ngọc Vũ số tiền 18.714.000 đồng.

[4]. Lập luận nêu trên cũng là căn cứ để chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, sửa bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự và không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Phạm Hữu Q.

[5]. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; buộc Trần Văn T và Phạm Hữu Q, mỗi bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức có giá ngạch trên số tiền phải thanh toán cho bị hại là 19.357.000 đồng $\times 5\% = 967.850 \text{ đồng}$; bị cáo Tài còn phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận - theo quy định tại Nghị Quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[6]. Các vấn đề khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn T , giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Trần Văn T .

2. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm d khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015;

Chấp nhận kháng nghị số 11/QĐ-VKS ngày 15/02/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, sửa bản án sơ thẩm số 09/2024/HSST ngày 15/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Căn cứ vào các điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm e khoản 1 Điều 52; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): xử phạt bị cáo Trần Văn T 09 (chín) tháng tù, về tội: “Cố ý gây thương tích”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/9/2023.

4. Căn cứ vào các điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm e khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): xử phạt bị cáo Phạm Hữu Q 09 (chín) tháng tù, về tội: “Cố ý gây thương tích”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/9/2023.

5. Về dân sự: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều 468, 584, 585, 586, 587, 590 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Buộc các bị cáo Trần Văn T và Phạm Hữu Q có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bị hại Phạm Ngọc V là 38.714.000đ (ba mươi tám triệu, bảy trăm mười bốn nghìn đồng); mỗi bị cáo có trách nhiệm bồi thường là 19.357.000 đồng. Thi hành một lần tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) do ông Trần Thanh Hoài đã nộp để khắc phục hậu quả cho bị cáo Trần Văn T (theo các biên lai thu tiền số: 0007627 ngày 19/12/2023 và số 0007640 ngày 09/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh) được dùng để thanh toán cho ông Phạm Ngọc V .

Các bị cáo Trần Văn T và Phạm Hữu Q tiếp tục có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại Phạm Ngọc V là 18.714.000đ (mười tám triệu, bảy trăm mười bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu các bị cáo Trần Văn T và Phạm Hữu Q chưa thi hành đầy đủ khoản tiền bồi thường thiệt hại về sức khỏe theo mức nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản

tiền lãi bằng 50% mức lãi xuất giới hạn theo quy định tại thời điểm thanh toán, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

6. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Buộc Trần Văn T và Phạm Hữu Phạm Hữu Q, mỗi bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 967.850 đồng. Bị cáo Trần Văn T còn phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng. Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

7. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- | | |
|-----------------------------|-----|
| - TAND TC; | (1) |
| - VKSND TP-HCM; | (3) |
| - TA ND cấp cao tại TP.HCM; | (1) |
| - THA-DS H. Củ Chi; | (1) |
| - VKSND H. Củ Chi; | (1) |
| - TAND H. Củ Chi; | (2) |
| - Công an H. Củ Chi; | (1) |
| - Bị cáo; | (1) |
| - Trại giam Chí Hòa PC81B | (1) |
| - Phòng PC 53 - CA Tp. HCM; | (1) |
| - Sở Tư pháp; | (1) |
| - UBND nơi bị cáo cư trú; | (1) |
| - Lưu, hình sự, hồ sơ. (24) | (4) |

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tuấn Anh

